SeABank

BIỂU PHÍ SẢN PHẨM THẺ ĐA NĂNG VISA SEASOUL 2IN1

Loại phí				Mức phí
I	**Phí dịch vụ**			
	1	**Phí thường niên/ phí sử dụng thẻ (**)**	Thẻ chính	550,000 VND
			Thẻ phụ	Chưa áp dụng
	2	**Phí phát hành** *(chỉ áp dụng với thẻ mở mới, không áp dụng với KH trả lương, thẻ phát hành theo gói và thẻ phát hành qua kênh online)*		Miễn phí
	3	**Phí thay thế thẻ vật lý**		110.000 VND
	4	**Phí gia hạn** *(bao gồm trường hợp khách hàng chủ động và SeABank chủ động)*		Miễn phí
	5	**Phí thay thế thẻ vật lý khẩn cấp**		220.000 VND
	6	**Phí cấp lại mật khẩu PIN/ E-PIN**		55.000 VND
	7	**Phí thay thế thẻ và phát hành lại PIN cho khách hàng trong trường hợp thẻ bị nuốt**		Miễn phí
	8	**Thông báo mất cắp/thất lạc thẻ** *(trường hợp khách hàng yêu cầu cập nhập lên Tổ chức thẻ)*		110.000 VND
	9	**Khiếu nại** (*Áp dụng nếu khách hàng khiếu nại sai*)		110.000 VND/ lần
	10	**Phí đóng thẻ (***)**		220.000 VND
	11	**Cấp lại bản sao hóa đơn giao dịch (tại POS)**	Trong hệ thống	Không áp dụng
			Ngoài hệ thống	
	12	**Phí cấp lại sao kê tại quầy**	Không có xác nhận Ngân hàng	11.000 VND/lần
			Có xác nhận Ngân hàng (1 lần tối đa 2 bản)	33.000 VND/lần
	13	**Phí cấp phép giao dịch ngoài hạn mức (*)**		Miễn phí
	14	**Phí chậm thanh toán (*)**		5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 199.000 VND

SeABank

Loại phí				Mức phí
	15	**Phí thay đổi hạn mức tín dụng của thẻ (*)**		Miễn phí
	16	**Phí thay đổi hạng thẻ**		110.000 VND
	17	**Phí khóa, mở thẻ**		Miễn phí
	18	**Phí thay đổi hạn mức giao dịch (*)**		Miễn phí
	19	**Phí dịch vụ SMS**		- Dịch vụ SMS từ hạn mức tín dụng: Miễn phí - Dịch vụ SMS từ TKTT: Theo quy định của SeABank từng thời kỳ.
	20	**Phí trả thẻ tại nhà**		Miễn phí
	21	**Phí nhận E-PIN**		Miễn phí
	22	**Phí hoàn tiền dương từ thẻ tín dụng (dư có vượt hạn mức thẻ tín dụng)**		1.1 % số tiền Khách hàng yêu cầu hoàn lại tối thiểu 11.000 VND (với giá trị yêu cầu hoàn từ 100.000 VND trở lên)
	23	**Phí xác nhận thông tin thẻ/ tất toán thẻ**		110.000 VND
II	**Phí Giao dịch**			
	1	**Phí chuyển đổi ngoại tệ và xử lý giao dịch** *(Áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ)*		3.52%, tối thiểu 11.000 VND
	2	**Phí quản lý GD VNĐ tại các ĐVCNT nước ngoài**		1.65% giá trị giao dịch, tối thiểu 5.500 VND
III	**Giao dịch tại ATM**			
	1	**ATM của SeABank**		
		1.1	Rút tiền	1.100 VND/lần
		1.2	Truy vấn số dư	Miễn phí
		1.3	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán của chính chủ thẻ tại SeABank	Miễn phí
		1.4	Đổi mật khẩu (PIN)	Miễn phí
		1.5	In sao kê	2.200 VND/lần

SeABank

Loại phí				Mức phí
	2	**ATM liên minh (ngoài SeABank)**		
		2.1	Rút tiền	- Nội địa: 3.300 VND/lần - Quốc tế:3.3%/giá trị giao dịch, tối thiểu 55.000 VND
		2.2	Truy vấn số dư	5.500 VND/ lần
		2.3	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán giữa hai tài khoản cùng hệ thống SeABank	Không áp dụng
		2.4	Đổi mật khẩu (PIN)	
		2.5	In sao kê	5.500 VND/lần
IV	**Giao dịch tại POS** (Điểm bán hàng/ Đại lý chấp nhận thẻ)			
	1	**POS của SeABank**		
		1.1	Thanh toán hàng hóa	Miễn phí
		1.2	Truy vấn số dư	2.200VND/ lần
		1.3	In sao kê	Không áp dụng
		1.4	Đổi PIN	Không áp dụng
	2	**POS liên minh (ngoài SeABank)**		
		2.1	Thanh toán hàng hóa	Miễn phí
		2.2	Truy vấn số dư	Không áp dụng
		2.3	In sao kê	
V	**Giao dịch qua Ebank/Ứng dụng hỗ trợ thanh toán**			
	1	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán của chính chủ thẻ tại SeABank		Không áp dụng
	2	Thanh toán hóa đơn (Billing, QR,Topup…)		Miễn phí
	3	Thanh toán QR		
	4	Thanh toán Dịch vụ hỗ trợ thanh toán trên ứng dụng Samsung Pay		
VI	**Phí dịch vụ trả góp (chỉ áp dụng cho thẻ tín dụng giao dịch tại đối tác liên kết)**			

SeABank

Loại phí			Mức phí
	1	Phí thiết lập giao dịch trả góp	Miễn phí
	2	Phạt chậm thanh toán trả góp (*)	5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 110.000VND
VII	**Phí dịch vụ trả góp áp dụng cho thẻ tín dụng giao dịch ngoài đối tác liên kết.**		
	1	Phí thiết lập giao dịch trả góp (*) (****)	- Miễn phí đối với kỳ hạn 03 tháng với số tiền trả góp tối đa 20.000.000 VNĐ/lần giao dịch qua kênh đăng ký trả góp là tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7 của SeABank. - 0.8% giá trị chuyển đổi trả góp * số tháng khách hàng đăng ký trả góp đối với các kỳ hạn khác (áp dụng cho thẻ tín dụng SeABank).
	2	Phạt chậm thanh toán trả góp (*)	5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 110.000VND
VIII	**Phí dịch vụ nhận tiền chuyển đến qua hệ thống của Tổ chức thẻ**		
	1	Phí dịch vụ nhận tiền chuyển đến qua hệ thống của Tổ chức thẻ	1,1%/ giá trị giao dịch, tối thiểu 55.000 VND

Lưu ý:

Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, ngoại trừ các mục (*)

- (*) Các phí không thu VAT, bao gồm: Phí cấp phép giao dịch ngoài hạn mức, phí phạt chậm thanh toán, phí thay đổi hạn mức tín dụng, phí thay đổi hạn mức giao dịch, phí phạt chậm thanh toán trả góp.
- (**) Đối với trường hợp phát hành lại thẻ do bị mất, phí thường niên sẽ được thu vào tháng phát hành lại thẻ mất từ các năm kế tiếp.
- (***) Chỉ áp dụng cho các thẻ đóng trước 12 tháng kể từ ngày mở thẻ và yêu cầu xuất phát từ khách hàng
- (****) Phí thiết lập trả góp sẽ được thu 01 lần ngay khi khách hàng đăng ký trả góp thành công và không được hoàn trả trong mọi trường hợp
- Đối với phí hoàn tiền dương từ thẻ tín dụng (dư có vượt hạn mức thẻ tín dụng): Không áp dụng với trường hợp Khách hàng yêu cầu hoàn tiền khi thẻ tín dụng đã đóng được 45 ngày và/ hoặc trường hợp Khách hàng được hoàn lại tiền sau khi tra soát liên quan đến thẻ tín dụng/ trường hợp SeABank thực hiện đóng thẻ chủ động của khách hàng.
- Các trường hợp không đề cập đến thẻ Phụ thì mức phí được áp dụng như thẻ Chính của biểu phí này.

SeABank

Loại phí	Mức phí
- Phí quản lý giao dịch VND tại các ĐVCNT nước ngoài: thu ngay khi khách hàng phát sinh giao dịch VND tại các đơn vị chấp nhận thẻ nước ngoài bao gồm: Facebook, Google, TikTok. Giao dịch bị thu phí sẽ chứa nhóm ký tự (không phân biệt chữ hoa/ thường) theo quy định của SeABank. - Trong trường hợp khách hàng phát hành lại thẻ do thẻ bị mất/ hoặc hư hỏng thẻ có cấp lại PIN sẽ được áp dụng đồng thời hai loại phí: Phí gia hạn/ thay thế thẻ vật lý và Phí cấp lại mật khẩu (PIN/e-PIN) - Không thu phí phát hành lại thẻ trong trường hợp lỗi hệ thống, lỗi phát hành thẻ. - Đối với các trường hợp hệ thống thu phí tự động thiếu, nếu được phát hiện, GDV của đơn vị mở thẻ sẽ thực hiện hạch toán thủ công khi hệ thống cho phép. - Chi tiết phí trả góp tại đối tác liên kết sẽ theo quy định tại từng đối tác cụ thể. - Các nội dung khác áp dụng theo Biểu phí dịch vụ Ngân hàng áp dụng cho Khách hàng cá nhân và Hộ kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á từng thời kỳ.	